

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16 /2021/KDTM-ST

Ngày: 25/11/2021

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Thùy Châu

- Bà Trần Thị Bích Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST- KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 56 /TB-TA ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN

Trụ sở: 89 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. ĐĐ, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thế A - Chuyên viên xử lý nợ

Theo văn bản ủy quyền số 5751 ngày 14/6/2021.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại PT

Địa chỉ: 26 Ngô Gia Tự, TP. Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Ngọc L - Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, KV 4, P. Ngô Mây, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đinh Minh T – sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn LL, xã NL, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

- Anh Phạm Thanh H –sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 47, KV 9, P. ĐĐ, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

Anh Thế A có mặt, bà L, anh T, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thế A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần VN trình bày:

Công ty TNHH Thương mại PT (gọi tắt là Công ty PT) đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần VN (gọi tắt là VPBank) theo Hợp đồng tín dụng số SME/BDH/17/0017/HĐTD ngày 21/02/2017, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 28/02/2017 và các khế ước nhận nợ, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 27/06/2017, với tổng số tiền là 2.942.000.000 đồng, cụ thể:

- Khế ước nhận nợ lần 1, số SME/BDH/17/0017/HĐTD-01 ngày 22/02/2017; số tiền vay: 1.000.000.000đ; thời hạn: 60 tháng; lãi suất cho vay ưu đãi 7,5%/năm cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay theo khế ước nhận nợ, sau 12 tháng áp dụng mức lãi suất thông thường được tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng 5%/năm và sẽ điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; ngày giải ngân: 22/02/2017; ngày đến hạn: 22/02/2022; mục đích vay: Hoàn tiền mua 01 xe ô tô Hyundai Santafe 2016, 2.2L, mới 100%, màu trắng, 07 chỗ ngồi, sản xuất năm 2016.

- Khế ước nhận nợ lần 2, số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 28/4/2017; số tiền vay: 500.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21,4% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm; ngày giải ngân: 28/4/2017; ngày đến hạn: 28/4/2018; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 3 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 31/5/2017; số tiền vay: 290.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21,4% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm; ngày giải ngân: 31/5/2017; ngày đến hạn: 31/5/2018; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 4 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 30/6/2017; số tiền vay: 318.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21,4% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm; ngày giải ngân: 30/6/2017; ngày đến hạn: 30/6/2018; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 5 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 07/9/2017; số tiền vay: 150.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21,6% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14,5%/năm; ngày giải ngân: 07/9/2017; ngày đến hạn: 07/9/2018; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 6 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 01/11/2017; số tiền vay: 200.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22,2% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15,5%/năm; ngày giải ngân: 01/11/2017; ngày đến hạn: 01/11/2018; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 7 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 07/12/2017; số tiền vay: 150.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22,2% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15,5%/năm; ngày giải ngân: 07/12/2017; ngày đến hạn: 07/12/2018; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 8 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 04/01/2018; số tiền vay: 120.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22,2% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15,5%/năm; ngày giải ngân: 04/01/2018; ngày đến hạn: 04/01/2019; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 9 số SME/BDH/17/0019/HĐHM ngày 25/01/2018; số tiền vay: 34.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22,2% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15,5%/năm; ngày giải ngân: 25/01/2018; ngày đến hạn: 25/01/2019; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Khế ước nhận nợ lần 10 số SME/BDH/17/0019/HĐHM-10 ngày 05/02/2018; số tiền vay: 110.000.000đ; thời hạn: 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22,3% điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15,5%/năm; ngày giải ngân: 05/02/2018; ngày đến hạn: 05/02/2019; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

- Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 27/06/2017. Số tiền cấp hạn mức: 70.000.000 đồng; Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ đề nghị: 05 năm; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn buôn bán gỗ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, VPBank và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu : Hyundai, số loại: Santafe, số khung: 81XDGN006493, Số máy: D4HBGU503632, Biển kiểm soát 77A - 07673, giấy đăng ký xe ô tô số 016045 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 10/02/2017, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty PT theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BDH/17/0071/HDTC ngày 21/02/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/02/2017 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Ông Đinh Minh T và ông Phạm Thanh H đã cam kết bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình bảo lãnh cho Công ty PT tại VPBank theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0017/HDBL ngày 22/02/2017, Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0019/HDBL ngày 28/02/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL ngày 26/06/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0019/HDBL ngày 30/6/2017.

Từ khi vay đến nay, Công ty PT đã thanh toán cho VPBank tổng số tiền 1.968.822.857 đồng (trong đó, nợ gốc đã thanh toán là 1.751.347.726 đồng; nợ lãi là: 217.249.905 đồng và lãi phạt là: 20.226 đồng). Trong đó ngày 30/11/2020 Công ty PT đã thanh toán 485.636.055 đồng vào một phần nợ gốc và thanh toán 135.878.945 đồng vào toàn bộ phần nợ thế. Sau khi thu hồi nợ, Ngân hàng đã giải chấp và giao trả cho Công ty PT 01 xe ô tô con; nhãn hiệu: Hyundai; số loại: Santafe; số khung: 81XDGN006493; số máy: D4HBGU503632; Biển kiểm soát: 77A-07673; giấy đăng ký xe ô tô số 016045 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 10/02/2017. Ngày 30/11/2020 VPBank có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp nêu trên.

Tạm tính đến ngày 25/11/2021 Công ty TNHH Thương mại PT còn nợ VPBank số tiền 3.200.760.059 đồng, trong đó nợ gốc 1.256.531.219 đồng, nợ lãi quá hạn 1.577.179.029 đồng, lãi chênh lệch 35.688.889 đồng, nợ lãi phạt 331.360.922 đồng. Vì vậy, VPBank khởi kiện yêu cầu Công ty PT phải có nghĩa vụ trả cho VPBank số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2021 là 3.200.760.059 đồng, trong đó nợ gốc 1.256.531.219 đồng, nợ lãi quá hạn 1.577.179.029 đồng, lãi chênh lệch 35.688.889 đồng, nợ lãi phạt 331.360.922 đồng. Kể từ ngày 26/11/2021 Công ty PT vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Trường hợp Công ty PT không thanh toán số nợ

trên thì VPBank có quyền yêu cầu ông Đinh Minh T và ông Phạm Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký cho VPBank.

Theo các bản khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn công ty TNHH TM PT do ông Võ Văn H là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty PT và VPBank có ký các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ như VPBank đã trình bày. Khi thực hiện giao dịch, Công ty PT đã thế chấp cho VPBank 01 xe ô tô con hiệu Hyundai số hiệu: Santafe; Biển kiểm soát: 77A-07673; giấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 10/02/2017 làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty. Ngày 30.11.2020 Công ty PT đã đề nghị VPBank cho Công ty được giải chấp trước tài sản là xe ô tô con hiệu Hyundai số hiệu: Santafe; Biển kiểm soát: 77A-07673 với số tiền 630.000.000 đồng (đã bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình thu giữ tài sản), số tiền này trừ vào phần nợ thẻ và phần nợ gốc của khoản tín chấp. Tính đến ngày 30.11.2020 Công ty PT còn nợ VPBank số tiền là 3.363.470.164 đồng (trong đó nợ gốc 1.742.167.274 đồng, nợ lãi quá hạn 1.271.233.106 đồng, lãi phạt 178.501.951 đồng, lãi chênh lệch 35.688.889 đồng, nợ thẻ 135.878.945 đồng). Vì Công ty PT đang gặp khó khăn trong kinh doanh nên xin trả dần cho VPBank số tiền còn lại cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Minh T, anh Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:* Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VN. Buộc công ty TNHH Thương mại PT phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN số tiền tạm tính đến

ngày 25/11/2021 là 3.200.760.059 đồng, trong đó tiền gốc là 1.256.531.219 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.577.179.029 đồng, tiền lãi chênh lệch là 35.688.889 đồng, tiền lãi phạt là 331.360.922 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại PT không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Đinh Minh T và ông Phạm Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: VPBank yêu cầu bị đơn Công ty PT có trụ sở tại 26 Ngô Gia Tự, Tp. Q, tỉnh Bình Định trả số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với mục đích bổ sung vốn buôn bán gỗ và thanh toán tiền hàng nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc trường hợp tranh chấp về kinh doanh thương mại và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn Công ty PT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Minh T, anh Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Công ty PT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T, anh H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T, anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Từ tháng 02/2017 đến tháng 02/2018 VPBank đã cho Công ty PT vay theo Hợp đồng số Hợp đồng tín dụng số SME/BDH/17/0017/HDTD ngày 21/02/2017, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/BDH/17/0019/HDHM ngày 28/02/2017, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 27/06/2017 và các khế ước nhận nợ. Các Hợp đồng tín dụng trên do các bên tự

nguyên giao kết bởi những người có đủ thẩm quyền; hình thức và nội dung của các Hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng tín dụng là hợp pháp có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, VPBank đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân, tuy nhiên, kể từ ngày giải ngân cho đến nay Công ty PT đã thanh toán cho VPBank tổng số tiền 1.968.822.857 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.751.347.726 đồng; nợ lãi là: 217.249.905 đồng và lãi phạt là: 20.226 đồng) nhưng sau đó không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo quy định cho VPBank là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định theo cam kết của các Hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của VPBank. Do đó, VPBank khởi kiện yêu cầu Công ty PT có trách nhiệm trả toàn bộ tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/11/2021 là 3.200.760.059 đồng, trong đó nợ gốc 1.256.531.219 đồng, nợ lãi quá hạn 1.577.179.029 đồng, lãi chênh lệch 35.688.889 đồng, nợ lãi phạt 331.360.922 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/11/2021 theo số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ mức lãi suất hai bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Công ty PT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho VPBank theo đúng thời hạn thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng nên phải chịu nợ lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả và khoản lãi chênh lệch là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; phù hợp với hướng dẫn về xác định lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu xin trả dần của Công ty PT. Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty PT xác nhận còn nợ VPBank và đồng ý trả số tiền gốc, lãi còn nợ tạm tính đến ngày 30/11/2020 là 2.741.955.164 đồng trong đó nợ gốc 1.256.531.219 đồng, nợ lãi quá hạn 1.271.233.106 đồng, lãi phạt 178.501.951 đồng, lãi chênh lệch 35.688.889 đồng. Hiện nay, Công ty PT đang gặp khó khăn trong kinh doanh nên xin trả dần cho VPBank số tiền còn lại cho đến khi hết nợ. Tại phiên

tòa yêu cầu này của bị đơn không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank. Buộc Công ty PT có nghĩa vụ trả cho VPBank số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/11/2021 là: 3.200.760.059 đồng, trong đó nợ gốc 1.256.531.219 đồng, nợ lãi quá hạn 1.577.179.029 đồng, lãi chênh lệch 35.688.889 đồng, nợ lãi phạt 331.360.922 đồng và còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Đối với yêu cầu của VPBank buộc ông Đinh Minh T, ông Phạm Thanh H chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty PT theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0017/HDBL ngày 22/02/2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0019/HDBL ngày 28/02/2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0019/HDBL ngày 30/6/2017; Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL ngày 26/06/2017 trong trường hợp Công ty PT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy: Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, VPBank yêu cầu ông Đinh Minh T, ông Phạm Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VPBank trong trường hợp Công ty PT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPBank là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản vay, Công ty PT có thể chấp tài sản là 01 xe ô tô con; nhãn hiệu: Hyundai; số loại: Santafe; số khung: 81XDBGN006493; số máy: D4HBGU503632; Biển kiểm soát: 77A-07673; giấy đăng ký xe ô tô số 016045 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 10/02/2017, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Thương mại PT theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BDH/17/0071/HDTC ngày 21/02/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/02/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, ngày 30/11/2020 Công ty PT đã nộp số tiền 621.515.000 đồng để giải chấp tài sản bảo đảm và VPBank đã có đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ phần xử lý tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, công ty PT phải chịu 48.007.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. VPBank không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại cổ phần VN.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VN. Buộc Công ty TNHH Thương mại PT phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN một lần số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2021 là 3.200.760.059 đồng, trong đó tiền gốc là 1.256.531.219 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.577.179.029 đồng, tiền lãi chênh lệch là 35.688.889 đồng, tiền lãi phạt là 331.360.922 đồng.

3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại PT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN thì ông Đinh Minh T và ông Phạm Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0017/HDBL ngày 22/02/2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDH/17/0019/HDBL ngày 28/02/2017; Hợp đồng bảo lãnh số

SME/BDH/17/0019/HDBL ngày 30/6/2017; Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL ngày 26/06/2017.

4. Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của Công ty TNHH Thương mại PT.

5. Về án phí:

- Công ty TNHH Thương mại PT phải chịu 48.007.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần VN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VN 38.083.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001271 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH thương mại PT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP VN thì lãi suất mà Công ty TNHH thương mại PT phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP VN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP VN.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

